

Số: 1254 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
9 tháng đầu năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/08/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Báo cáo thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải (chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để công khai);
- Tpublic Bộ GTVT (để công khai)
- Lưu VT, TC_(Khang)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Lâm

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BGTVT ngày tháng 10 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán đã được Bộ tài chính thống nhất phân bổ	Quyết định giao phí số 1670/QĐ của Bộ GTVT	Thực hiện		Thực hiện so với dự toán giao (%)	Thực hiện Quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
				Quý III	Lũy kế hết 9 tháng đầu năm 2024		
I	Thu phí, lệ phí						
1	Tổng thu	17.413.713	17.087.748	3.978.819	12.513.501	72%	102%
	I. Phí	17.189.969	16.860.163	3.945.217	12.376.654	72%	102%
	II. Lệ phí	223.744	227.585	33.602	146.848	66%	91%
2	Thu phí được để lại đơn vị	1.353.342	843.958	119.423	730.685	54%	89%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	16.060.370	17.043.491	3.859.396	13.202.816	82%	115%
	I. Phí	15.836.626	16.815.906	3.825.794	13.065.969	83%	115%
	II. Lệ phí	223.744	227.585	33.602	136.847	61%	84%
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.774.941	2.657.739.418	1.470.691	7.976.999	38%	65%
A	Chi thường xuyên	20.774.941	2.657.739.418	1.470.691	7.976.999	38%	65%
1	Chi quản lý hành chính	462.949	20.306	50.150	219.162	47%	91%
*	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	347.447		45.163	213.770	62%	92%
*	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	115.502	20.306	4.987	5.392	5%	77%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	365.143	371.410	139.914	203.460	56%	99%
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	125.445	125.445	36.219	99.765	80%	103%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	239.698	245.965	103.695	103.695	43%	95%
3	Chi khoa học và công nghệ	32.243	33.940	3.372	12.430	39%	82%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	2.252	2.252	787	2.074	92%	91%
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.252	2.252	787	2.074	92%	91%
5	Chi bảo vệ môi trường	1.510	1.510	5	5	1%	1%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.510	1.510	5	5	1%	1%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	19.910.844	2.657.310.000	1.276.463	7.539.868	38%	64%
B	Chi dự trữ						